

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

VỐN XÃ HỘI CỦA ĐOÀN THỂ TÔN GIÁO MỸ

(Tiếp theo kì trước)

LUU BÀNH^(*)

3. Quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với sự nghiệp từ thiện

Trong lĩnh vực hoạt động từ thiện của nước Mỹ, tổ chức tôn giáo có thể triển khai được hoạt động phục vụ xã hội rộng lớn đến như vậy, càng thể hiện rõ địa vị và thực lực hùng hậu của nó trong toàn bộ khối tổ chức phi chính phủ. Năm 1996, nước Mỹ có khoảng 350.000 tổ chức tôn giáo các loại, chiếm khoảng 20% tổng số tổ chức phi lợi nhuận, chiếm khoảng 30% tổng số tổ chức từ thiện toàn nước Mỹ, nhưng khoản quyên góp mà nó thu được chiếm 60% tổng số quyên góp từ thiện của toàn nước Mỹ. Thời gian lao động tình nguyện (thời gian những người tình nguyện hiến góp) chiếm 40% tổng số định mức của cả nước, tương đương với 2.400.000 ngày công. Thu nhập hàng năm của tổ chức tôn giáo khoảng 77 tỉ USD. Những người làm việc mà bản thân tổ chức tôn giáo thuê là hơn 1.000.000 người⁽¹⁾, tương đương với tổng số nhân viên làm công tác phục vụ xã hội trong tất cả các tổ chức phi tôn giáo của nước Mỹ.

Xét về thu nhập của nội bộ tổ chức tôn giáo, thành viên của các giáo phái là không giống nhau, mức độ quyên góp của tín đồ và năng lực tài chính của giáo hội cũng không đồng đều nhau. Theo thống kê 36 giáo phái chủ yếu của Hội Liên

hiệp các Giáo hội Mỹ năm 1999, trong hệ phái Tin Lành Mỹ, giáo phái thu nhập trên 100 triệu USD có 12 đơn vị, vượt qua 1 tỉ USD có 5 đơn vị. Thu nhập cao nhất là giáo phái Baptist Miền Nam, năm 1998 tổng thu nhập là 7 tỉ 450 triệu USD⁽²⁾.

Xét về tình hình quyên góp của thành viên giáo hội, trong 36 giáo phái được thống kê, có mấy giáo phái nhỏ có số tín đồ chỉ khoảng mấy nghìn (như giáo phái Mormon, giáo phái Ngũ Tuần quốc tế, v.v...) nhưng các cá nhân lại quyên góp nhiều nhất (giáo phái Ngũ Tuần quốc tế bình quân mỗi người quyên góp 2.320 USD, giáo phái Mennonite bình quân mỗi người quyên góp 2.095 USD). Còn những giáo phái lớn có hàng triệu đến hàng chục triệu thành viên, quyên góp bình quân của các thành viên thì lại không nhiều, chỉ ở mức 400 USD, 500 USD. Chẳng hạn như giáo phái Baptist Miền Nam bình quân mỗi thành viên quyên góp 473 USD, giáo phái Wesleyan liên hợp bình quân mỗi thành viên quyên góp 472 USD, giáo

*. Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu Hoa Kỳ. Viện KHXH Trung Quốc.

1. Lester M. Salamon. *America's Nonprofit Section*, ibid, p. 151.

2. *Yearbook of American & Canadian Churches*, Nashville. Abingdon Press, 2000, p. 360.

phái Phúc Âm Tín Nghĩa bình quân mỗi người là 529 USD. Một số giáo phái khác như phái Cải Cách (Reformed), phái Trưởng Lão (Prebyterian), phái Giám mục (Episcopal Church), v.v..., bình quân mỗi người quyên góp khoảng 1.000 USD⁽³⁾.

Nhưng đối với sự nghiệp từ thiện mà cơ cấu tôn giáo triển khai, thì sự thu nhập của giáo hội nhiều hay ít, không có liên quan gì đến việc giáo hội dùng quỹ đó vào công tác từ thiện nhiều hay ít. Từ con số thống kê cho thấy, thu nhập của đại đa số các giáo phái chủ yếu dùng vào sự nghiệp tôn giáo và chi trả cho những nhu cầu duy trì bản thân giáo hội. Trong 36 giáo phái, phần chi cho phục vụ xã hội chiếm tỉ lệ trên 20% tổng thu nhập cả năm, chỉ có 9 giáo phái, trong đó cao nhất là Cơ Đốc Phục Lâm nghỉ ngày thứ Bảy (Seventh Day Adventist) có 840.000 thành viên (thu nhập năm là 857 triệu USD, bình quân mỗi người quyên góp 1.021 USD, trong đó chi dùng cho hoạt động từ thiện là 588 triệu USD, bình quân mỗi người là 700 USD, như vậy quyên góp cho hoạt động từ thiện chiếm 69% tổng thu nhập năm). Một giáo phái khác có thể sánh với giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm nghỉ ngày thứ Bảy là Liên minh những người anh em, một giáo phái loại nhỏ chỉ có 2.500 thành viên, giáo phái này tuy số người không nhiều, nhưng chi cho hoạt động từ thiện chiếm một tỉ lệ khá cao so với tổng thu nhập năm, cũng đạt đến 69%. Các giáo phái khác, quyên góp cho hoạt động từ thiện chỉ chiếm khoảng từ 10% đến 20% tổng thu nhập năm, có 3 giáo phái dưới 10%⁽⁴⁾.

Theo một thống kê khác về tình hình tài vụ của 62 giáo phái Tin Lành (gồm

49.680.000 người) do Hội Liên hiệp các giáo phái Tin Lành Mỹ thực hiện năm 1999, tổng thu nhập năm của 62 giáo phái Tin Lành được thống kê là 26 tỉ 200 triệu USD, bình quân mỗi người quyên góp 588 USD, trong đó quyên góp cho hoạt động từ thiện là 4 tỉ USD, bình quân mỗi người là 91 USD, hoạt động từ thiện chiếm 15% tổng thu nhập năm của giáo phái. Tỉ lệ này về cơ bản tiêu biểu cho mức quyên góp phổ biến cho hoạt động từ thiện của các thành viên giáo phái Tin Lành. So với cuộc điều tra tương tự năm 1990, bình quân mỗi thành viên quyên góp lúc đó là 399 USD, chi cho hoạt động từ thiện bình quân mỗi người là 74 USD⁽⁵⁾. Mười năm lại đây, khoản quyên góp cho hoạt động từ thiện của thành viên giáo hội có xu hướng tăng lên. Điều này cho thấy đoàn thể tôn giáo không chỉ có nguồn vốn xã hội to lớn, mà còn là tổ chức có tài sản lớn nhất trong tất cả các tổ chức phi lợi nhuận ở xã hội Mỹ.

Mối liên hệ giữa tôn giáo và chủ nghĩa lợi tha đã thể hiện sức mạnh của quan niệm giá trị tôn giáo. “Chủ nghĩa lí tưởng tôn giáo là nguồn gốc tiềm tàng của mọi động cơ và sự tập trung cao độ”, vì thế, “nếu cho rằng mình bị sai khiến bởi một lực lượng thần thánh nào đó, thì họ sẽ sẵn sàng cống hiến hi sinh nhiều hơn bao giờ hết”⁽⁶⁾. Ngoài nguồn vốn sung túc dồi dào ra, đoàn thể tôn giáo còn nắm giữ

3. 刘澎：《当代美国宗教》 p.327. (Lưu Bành. *Tôn giáo Mỹ đương đại*, tr. 327).

4. Xem: Lester M. Salamon. *America's Nonprofit Section*, p.154.

5. *Yearbook of American & Canadian Churches*, 1991, p. 279.

6. Xem: Kenneth D. Wald. *Religion and Politics in the United States*, New York, St. Martin's Press, 1987, pp.29~30; Strate et al., *Life Span Civic Development*, p. 452.

một nguồn nhân lực rất phong phú, đó chính là những con người tình nguyện tham gia hoạt động từ thiện của giáo hội.

Trong báo cáo điều tra mỗi năm hai lần của Hội Liên hiệp các tổ chức phi lợi nhuận Washington, công bố vào tháng 10 năm 2001 đã chỉ ra năm 2000 có khoảng 83.900.000 người tình nguyện Mỹ bình quân mỗi tuần lao động tình nguyện 4 giờ, tính tổng cộng đạt đến 15 tỉ 500 triệu giờ⁽⁷⁾. Giáo sư đại học Chicago, Andrew Greeley chỉ ra, 15 năm lại đây, công tác phục vụ xã hội tình nguyện có xu hướng tăng lên, tỉ lệ phục vụ xã hội tình nguyện của nước Mỹ là cao nhất trên thế giới. Theo điều tra năm 1991 của Hội Nghiên cứu giá trị Châu Âu, có 47% người Mỹ tham gia công tác tình nguyện phục vụ xã hội. Công tác xã hội tình nguyện bao gồm các lĩnh vực: Phục vụ phúc lợi xã hội, tổ chức tôn giáo, hoạt động văn hóa giáo dục, công đoàn, chính đảng, hoạt động ở khu dân cư, bảo vệ môi trường, hội liên hợp ngành nghề, công tác thanh niên, thể dục, tổ chức phụ nữ, phong trào hòa bình, bảo vệ động vật, sức khỏe vệ sinh, v.v... Điều tra đã phát hiện tỉ lệ tham gia công tác tình nguyện có liên quan với đi lễ nhà thờ. Tôn giáo đã phát huy tác dụng không thể xem thường trong xã hội công dân. Cuộc điều tra riêng từng bộ phận vào năm 1992 và năm 1994 cho thấy, 52% người Mỹ tham gia công tác xã hội tình nguyện, trong đó có 28 % tham gia công tác tôn giáo. Trong số những nhân viên tình nguyện, 34% số người cho rằng họ tham gia công tác xã hội tình nguyện có liên quan với tôn giáo. 60% số người đó nói họ tin tưởng tuyệt đối vào Chúa, 79% số người nói họ tin Chúa tồn tại, 78% số người nói họ cần tinh thần tôn giáo trong

cuộc sống, cao hơn 20% so với năm 1994⁽⁸⁾.

Tôn giáo đề xướng hành thiện, người tham gia hoạt động tôn giáo thường rất dễ dàng tham gia hoạt động tình nguyện và hoạt động từ thiện. Theo thống kê, gần một nửa số hội đoàn có tổ chức có quan hệ với giáo hội, một nửa số hoạt động từ thiện cá nhân có tính chất tôn giáo, một nửa số hành vi của người tình nguyện có liên quan đến tôn giáo. 75% ~ 80% thành viên giáo hội quyên góp cho sự nghiệp từ thiện, còn con số quyên góp của thành viên ngoài giáo hội là 55% ~ 60%; 50% ~ 60% thành viên giáo hội đã trải qua công tác tình nguyện, còn trong số thành viên ngoài giáo hội chỉ có 30% ~ 35%. Người có tín ngưỡng thành kính thường hay tự nguyện đóng góp thời gian và tiền của cho những hoạt động bên ngoài giáo hội. Cho dù không tính đến những quyên góp của mọi người cho sự nghiệp tôn giáo, thì bản thân sự tham dự vào hoạt động của tổ chức tôn giáo cũng mang nhiều ý nghĩa là hành vi từ thiện và tình nguyện⁽⁹⁾.

Những người tham gia hoạt động của tổ chức tôn giáo so với người khác thường

7. Xem Leslie P. Norton. *Người tình nguyện: Kế sáng tạo ra vốn xã hội*, tạp chí *Giao lưu* số 1 năm 2000.

8. Xem: Chu Thế Đạt. *Biến số về sự tham gia của công dân: Một cách nhìn về hiện trạng xã hội công dân Mỹ*, tạp chí *Tri thức thế giới* số 15 năm 2001.

9. Virginia A. Hodgkinson and Murray S. Weitzman. *Giving and Volunteering in the United States*, Washington, D.C. Independent Sector, 1996, pp. 5.

14. 121~131; Virginia A. Hodgkinson, Murray S. Weitzman, and Arthur D. Kitsch. *From Commitment to Action: How Religious Involvement Affects Giving and Volunteering*. And Mordechai Rimor and Gary A. Tobin. *Jewish Giving Patterns to Jewish and Non - Jewish Philanthropy*, in Robert Wuthnow Virginia A. Hodgkinson, and associates ed., *Faith and Philanthropy in America*, San Francisco: Jossey Bass, 1990, pp.93~114, 134~164.

rất coi trọng giá trị của việc cứu trợ người gặp nguy khốn. Rất nhiều chứng cứ cho thấy, việc tham gia hoạt động tôn giáo có thể làm tăng thêm tác dụng tín ngưỡng của người tín đồ trong hoạt động từ thiện. Nếu người ta không tham gia hoạt động tôn giáo, thì hiệu quả chủ nghĩa lợi tha của bản thân tín ngưỡng sẽ bị suy giảm rất nhiều. Nghiên cứu so sánh cho thấy,

nguyên nhân khiến cho hành vi tình nguyện ở nước Mỹ cao hơn các quốc gia khác là vì tỉ lệ người Mỹ tham gia hoạt động tôn giáo khá cao⁽¹⁰⁾.

Bảng dưới đây là một thống kê về tình hình người tình nguyện nước Mỹ, từ đó có thể thấy sự ảnh hưởng của tôn giáo đối với hành vi quyên tặng của người tình nguyện.

Bảng 1: Điều tra thời gian và tần xuất công tác tình nguyện⁽¹¹⁾

	Tất cả những người Được điều tra		Người tình nguyện	
	Năm ngoái đã làm công tác tình nguyện	Thời gian làm công tác tình nguyện (tháng trước (giờ))	Năm ngoái đã làm công tác tình nguyện	Thời gian làm công tác tình nguyện tháng trước (giờ)
Tất cả các công tác tình nguyện	50,9%	8.0	100%	19,9%
Có liên quan đến tôn giáo	26,6	1,67	52,4	4,29
Có liên quan đến giáo dục	16,3	0,96	32,0	2,41
Có liên quan đến sức khỏe	12,3	0,63	24,3	1,58
Có liên quan đến môi trường	7,1	0,12	14,0	0,31

Thuyết minh:

1. Năm 2003, khoảng 51% người Mỹ đã tham gia công tác tình nguyện, gần 27% số người tham gia công tác tình nguyện có liên quan tới tôn giáo, còn chỉ có khoảng 16% số người làm công tác tình nguyện có liên quan tới giáo dục; trong tất cả những người Mỹ tham gia công tác tình nguyện có 52% số người tham gia công tác tình nguyện có liên quan tới tôn giáo, chỉ có 32% số người làm công tác tình nguyện liên quan tới giáo dục.

2. Tháng trước người Mỹ tham gia công tác tình nguyện bình quân là 8 giờ, trong đó 1,67 giờ công tác có liên quan tới tôn giáo, còn liên quan tới giáo dục là 1

giờ; thời gian công tác tình nguyện tháng trước bình quân tất cả mọi người là gần 20 giờ, trong đó 4,29 giờ liên quan tới tôn giáo, chỉ có 2,41 giờ liên quan tới giáo dục.

3. Dù so sánh về số người hay về thời gian, thời gian và sức lực người Mỹ dùng vào hoạt động của tổ chức tôn giáo cũng cao hơn bất cứ loại hình hoạt động tình nguyện nào khác.

10. A. Greeley. *The other civic America: Religion and social capital*, American Prospect, Vol. 32 (May-June, 1977), pp. 68~73.

11. *Giving and Volunteering Survey*, Gallup Organization, conducted in 1989,1991,1993,1995.

Bảng 2: Nguồn gốc người tình nguyện và loại hình công tác tình nguyện⁽¹²⁾

Loại hình công tác tình nguyện	Từ nhà thờ	Tổ chức hội viên	Công tác	Bạn bè	Thành viên gia đình	Tự phát
Các loại hình	34,8%	12,6%	13,0%	25,8%	29,8%	22,8%
Thuộc tôn giáo	60,0	13,2	11,5	24,6	29,6	22,0
Thuộc phi tôn giáo	30,4	15,6	16,6	27,9	33,8	24,9
Thuộc phi chính thức ⁽¹³⁾	35,2	17,2	16,5	33,7	37,7	28,0
Thuộc phụ trách	32,5	21,7	18,3	34,6	36,3	30,8

Thuyết minh:

1. Bảng này so sánh tỉ lệ người tham gia công tác tình nguyện từ các nguồn khác nhau và tham gia các loại công tác tình nguyện khác nhau.

2. Đứng trước câu hỏi “anh tiếp nhận đề nghị tham gia hoạt động tình nguyện từ đâu?”, so sánh con số ở các cột, trả lời rất rõ ràng: Nhà thờ (giáo hội) là một con đường quan trọng nhất. Đại bộ phận công tác tình nguyện có liên quan đến tôn giáo là thông qua nhà thờ mà có được người tình nguyện (60,0%); nhà thờ cũng cung cấp người tình nguyện cho các công tác tình nguyện khác, chẳng hạn công tác phụ trách, 32,5% số người thông qua nhà thờ mà được tham gia, chỉ đứng sau sự giới thiệu của thành viên gia đình và bạn bè.

3. Kết luận: Người đến nhà thờ nhiều, tham gia hoạt động tình nguyện cũng nhiều; nhà thờ là con đường đi vào lĩnh vực tình nguyện thường thấy nhất.

Xã hội công dân cần phải bồi dưỡng những hành vi tình nguyện công cộng, mà giáo hội là mạng lưới giao lưu tự nhiên nhất triển khai các hành vi tình nguyện công cộng. Nhà xã hội học tôn giáo Mỹ, Wuthnow cho rằng, “tổ chức tôn giáo tạo cơ hội cho người ta được phục vụ trong hay ngoài tổ chức, tạo cơ hội giao lưu với người khác, cung cấp hội đồng, số điện thoại, địa điểm hội nghị, phương tiện giao thông, và tất cả những điều kiện

thuận lợi để làm cho những ý tưởng tốt đẹp chuyển hóa thành hành động tốt đẹp⁽¹⁴⁾. Bởi thế, “những người tình nguyện được tôn giáo khích lệ so với những người không tôn giáo, càng có thiên hướng sử dụng một loại ngôn ngữ giống với chủ nghĩa cộng sản để hình dung về hành vi của họ và kích thích một thứ tình cảm công ích xã hội nào đó, chứ không giản đơn sử dụng ngôn ngữ của chủ nghĩa cá nhân để giải thích cho hành vi của mình⁽¹⁵⁾. “Thành viên giáo hội rất vui vẻ quyên hiến thời gian và tiền của (bao gồm quyên hiến cho các hạng mục thế tục)”, “họ cũng rất vui vẻ tham gia đi bộ phiếu bầu cử⁽¹⁶⁾.”

Nếu một người láng giềng nào đó trong khu dân cư là thành viên giáo hội, thì nhân tố này có ảnh hưởng trực tiếp đến tỉ lệ tìm việc làm, sử dụng ma túy và hoạt động tội phạm của thanh niên trong khu vực. Lúc này, vốn xã hội mà giáo hội sản

12. Sdd.

13. Phạm vi công tác tình nguyện phi chính thức rất rộng, bao gồm giúp đỡ một người láng giềng, người bạn nào đó, giúp đỡ một nhóm nào đó trong thời gian ngắn, dùng thời gian chăm sóc người già hoặc trông trẻ em.

14. Wuthnow. *God and Mammon in America*. Free Press, 1994, p. 242.

15. Wuthnow. *Acts of Compassion: Caring for Others and Helping Ourselves*. Princeton University Press, 1991, p. 325.

16. Wald, Kellstedt & Legee. *Civic Involvement and Political Behavior*. Legee & Kellstedt, eds. *Rediscovering the Religious Factor in American Politics*. M.E. Sharpe, 1993, p. 49.

sinh ra sẽ bắt đầu phát huy tác dụng, ảnh hưởng của luân lý và đạo đức tôn giáo không chỉ hạn chế trong những thành viên của giáo hội, mà còn mở rộng ra toàn bộ khu dân cư.

Trong thực tế, rất nhiều người Mỹ tin tưởng nhà thờ và hội đường Do Thái có năng lực xử lý tốt hơn các tổ chức khác những vấn đề mà thành phố và khu dân cư gặp phải. Theo điều tra của Gallup, 57% số người được điều tra cho rằng khi giải quyết vấn đề xã hội, nhà thờ có ưu thế hơn các tổ chức khác, chỉ có 1/3 số người cho rằng xí nghiệp thương mại địa phương, chính phủ, đảng phái chính trị là người giải quyết “có sự đồng tình và công chính” vấn đề xã hội⁽¹⁷⁾.

Do một tác dụng của tổ chức tôn giáo trong xã hội là tiến hành giáo dục đạo đức công dân cho thành viên giáo hội một cách kiên trì không ngừng nghỉ, nên ý thức công dân, trách nhiệm xã hội của thành viên giáo hội được nâng cao phổ biến. Bởi thế, so với những người không tôn giáo, các thành viên giáo hội rất giàu lòng công đức, rất nhiệt tình với sự nghiệp công ích, và cũng rất vui vẻ sẵn sàng tham gia hoạt động tình nguyện. Giáo dục đạo đức của tổ chức tôn giáo được thể hiện dưới hình thức giáo huấn răn dạy tôn giáo, hình thức này ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi mỗi người. Sự giáo huấn chỉ bảo này dù không hoàn toàn bắt buộc phải thực hiện, nhưng vẫn có tác dụng quan trọng hướng dẫn hành vi thế hệ trẻ. Nếu mọi người đều cảm nhận sự ảnh hưởng của tôn giáo đối với thái độ của mỗi người, thì giáo huấn răn dạy của tôn giáo sẽ sản sinh ảnh hưởng trực tiếp đối với sự hình thành một xã hội tràn ngập tình

yêu thương. Kết quả này tạo cơ sở đạo đức cho tính hợp pháp hợp lý những hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo, và còn cho phép người ta tập hợp đoàn kết với những người có cùng sự nghiệp với mình. Lời răn, giáo huấn của tôn giáo không chỉ bồi dưỡng mối quan hệ tương hỗ công chính giữa người với người, mà còn khích lệ người ta thực hiện những giáo huấn và nguyên tắc này trong đời sống thường nhật. Khi giáo hội kết hợp vốn xã hội to lớn của tổ chức tôn giáo với sự giáo huấn răn bảo của tôn giáo, sự cổ vũ khích lệ này có một sức mạnh tiềm tàng lâu dài và thiêng liêng nhất định.

Ở ngoài giáo hội, các tổ chức khác rất khó làm được điều này, rất khó thực hành một cách kiên định ý tưởng hiến dâng cho sự nghiệp từ thiện công ích, cũng rất ít đề xuất việc “chăm sóc và yêu thương người xung quanh”. Nói chung, đạo đức xã hội của nước Mỹ không hề chủ trương lấy đạo đức tôn giáo làm ngọn cờ, nhưng trong đời sống thực tế, công chúng Mỹ từ rất sớm đã coi “giúp đỡ khó khăn” và “yêu thương chăm sóc” là giá trị của tôn giáo⁽¹⁸⁾. Giúp đỡ khó khăn hầu như đã trở thành sự mong mỏi của mọi người đối với giáo hội. Hai bảng dưới đây sẽ thể hiện rõ sự ảnh hưởng của tôn giáo đối với tín đồ trong việc quyên tặng.

17. Emerging Trends. Churches Rated Best Able to Deal with Local Community Problems (December, 1990), pp.3~4.

18. N. Ammerman. *Congregation and Community*. Rutgers University Press, 1997, p. 367.

Bảng 3: So sánh mô thức quyên góp của thành viên giáo hội và thành viên ngoài giáo hội⁽¹⁹⁾

	1989	1991	1993	1995
Tỉ lệ gia đình quyên góp cho các loại từ thiện				
Thành viên giáo hội	77%	76%	78%	71%
Thành viên ngoài giáo hội	55%	55%	54%	49%
Tỉ lệ gia đình quyên góp cho loại từ thiện phi tôn giáo				
Thành viên giáo hội	57%	59%	58%	53%
Thành viên ngoài giáo hội	52%	52%	50%	47%
Số tiền quyên góp làm từ thiện phi tôn giáo của mỗi hộ hàng năm				
Thành viên giáo hội	\$278	\$265	\$242	\$257
Thành viên ngoài giáo hội	\$255	\$190	\$189	\$208

Thuyết minh:

1. Mặc dù trong thời gian từ 1993 đến 1995 mọi người (bao gồm cả thành viên trong và ngoài giáo hội) tỉ lệ quyên góp cho sự nghiệp từ thiện có hạ thấp, nhưng tỉ lệ quyên góp của thành viên giáo hội luôn luôn ổn định và cao hơn thành viên ngoài giáo hội (20-25%).

2. Tỉ lệ quyên góp từ thiện có tính chất phi tôn giáo của thành viên trong giáo hội trong các năm đều cao hơn các thành viên ngoài giáo hội (5-7%).

3. Số lượng tiền quyên góp từ thiện có tính chất phi tôn giáo của thành viên giáo hội cũng cao hơn các thành viên ngoài giáo hội, như năm 1995, cao hơn khoảng 20% (\$257 so với \$208).

Bảng 4: Tỉ lệ thu nhập gia đình quyên góp từ thiện phi tôn giáo của thành viên trong và ngoài giáo hội, năm 1995⁽²⁰⁾

Tổ chức tôn giáo	Thu nhập gia đình năm 1995				
	< \$20000	\$20~39999	\$40~74999	\$75~99999	>\$100000
Thành viên giáo hội	\$70	\$160	\$350	\$700	\$1490
Thành viên ngoài giáo hội	\$25	\$140	\$275	\$690	\$1150
Tỉ lệ%	280%	114%	127%	101%	130%

Thuyết minh:

Cho dù tình trạng thu nhập gia đình như thế nào, tỉ lệ và số lượng quyên góp cho hoạt động từ thiện phi tôn giáo của thành viên giáo hội đều không thấp hơn các thành viên ngoài giáo hội, trong các gia đình thu nhập thấp và thu nhập cao, thì đều cao hơn rõ rệt so với các thành viên ngoài giáo hội (280% và 130%).

Bảng trên đã so sánh mô thức quyên góp của thành viên giáo hội. Nhưng trên thực tế, "thích làm điều tốt, hay làm việc thiện" vốn không phải là bản năng của con người, mà nó là quy phạm đạo đức có được trong quá trình quan sát và giao

19. *Giving and Volunteering Survey*, Gallup Organization, conducted in 1989,1991,1993,1995.

20. *Giving and Volunteering Survey*, Gallup Organization, conducted in 1995.

tiếp xã hội của con người⁽²¹⁾. Đây chính là tác dụng của giáo huấn răn dạy của tôn giáo. Tất cả các tôn giáo chủ yếu đều nhấn mạnh trách nhiệm tập thể đối với lợi ích của người khác và công lí xã hội, đều có một hệ thống những quy tắc và cơ chế để giúp đỡ tha nhân⁽²²⁾. Nếu hỏi một ai đó tại sao lại thích giúp đỡ người khác, câu trả lời thường là động cơ của họ xuất phát từ lời kêu gọi của tôn giáo và thông tin mà giáo lí truyền đạt. Nhưng giáo huấn răn dạy của tôn giáo cần phải có vốn xã hội làm thể chuyển tải, nếu không có vốn xã hội được xây dựng trên khái niệm tư cách thành viên, thì giáo hội không thể nào nêu ra được tính công chính để kiểm nghiệm tín ngưỡng, không thể nào đem sứ mệnh của cá nhân kết hợp với nhu cầu của xã hội, không thể nào xây dựng được cơ chế chống xói mòn đạo đức của hành vi cá nhân. Bởi vậy, hoạt động từ thiện cần phải dựa vào giáo huấn răn dạy của tổ chức tôn giáo đối với con người, đồng thời cũng không thể tách rời khỏi vốn xã hội của tôn giáo.

Còn với các tổ chức phi chính phủ khác, tuy họ cũng có vốn xã hội của mình, nhưng hiệu quả động viên quần chúng tham gia hoạt động xã hội kém hơn tác động của vốn xã hội mà tôn giáo huy động, biểu hiện chủ yếu ở mấy điểm sau:

Thứ nhất, vốn xã hội được hình thành từ lí do tôn giáo về mặt số lượng vượt xa vốn xã hội được hình thành từ các phương thức khác. “Ước tính sơ bộ, gần nửa thành viên các tổ chức ở nước Mỹ là thuộc vào tổ chức tôn giáo, một nửa số hành vi từ thiện cá nhân thuộc về lí do tôn giáo, một nửa số hành vi tình nguyện có bối cảnh tôn giáo⁽²³⁾”. Đây là điều mà bất cứ một tổ chức nào khác trong xã hội Mỹ không thể so sánh được.

Thứ hai, việc công dân tham gia hoạt động trên cơ sở lí do tôn giáo, thì hiệu quả của nó rất lâu dài. Điều này là do tiêu chuẩn giá trị mà người ta đánh giá sự vật là không giống nhau. Những người ở ngoài tôn giáo thì xuất phát từ góc độ lí tính và chủ nghĩa công lợi để xem xét vấn đề, họ chỉ dùng tiêu chuẩn “tính hiệu quả” để đánh giá hoạt động tham gia của công dân. Như vậy, một khi phát hiện sự nỗ lực của mình không có hiệu quả, hoặc có thể đạt đến đích bằng phương thức khác, người ta sẽ ngã theo hướng không nỗ lực nữa. Trái ngược với điều này, người tín đồ tôn giáo không lấy việc có thành công hay không làm tiêu chuẩn, họ trung thực với lời hứa, lời mời gọi và quan điểm giá trị tín ngưỡng của mình. Vì thế người càng thường xuyên đi nhà thờ càng sẵn sàng tham gia công tác tình nguyện hơn người không thường xuyên đi nhà thờ, kiên trì tiến hành quyên góp từ thiện và tham gia hoạt động công dân khác.

Thứ ba, phạm vi càng rộng. Tôn giáo khích lệ mọi người tích cực giao lưu tiếp xúc với nhau, bất kể tiếp xúc đó có mang lại lợi ích hay không. Khi tôn giáo muốn truyền đạt một quan niệm giá trị, nó không hề tính đến có thể mang lại tư lợi cho cá nhân hay không. Cái mà tôn giáo chú trọng là mức độ tín ngưỡng của con người. Xuất phát từ truyền bá tín ngưỡng và quan niệm giá trị, người ta có thể thực

21. A. Keith - Lucas. *Giving and Taking Help*. Chapel Hill: University of North Carolina Press, 1972.

22. E. L. Queen. *The Religious Roots of Philanthropy in the West: Judaism, Christianity, and Islam*. Indianapolis: Indiana University Center on Philanthropy, Working Paper, 1996.

23. R. D. Putnam. *Bowling Alone. The collapse and Revival of American Community*. Simon and Schuster, 2000, p. 66.

hiện ở mức độ lớn nhất giao tiếp xã hội và tham dự vào xã hội.

Thứ tư, giữ gìn được tính tương tác lẫn nhau. Vốn xã hội hình thành từ nguyên nhân tôn giáo đã tạo cơ sở hợp tác được xây dựng trên quan niệm giá trị luân lý đạo đức và tinh thần, động lực của nó không phải ở lợi ích vật chất. Điều này có thể giải thích các tổ chức quần chúng phục vụ xã hội ở nước Mỹ vì sao xuất hiện rất nhiều, nhưng duy chỉ có tổ chức từ thiện do tôn giáo lập ra mới có lịch sử lâu dài nhất, làm tốt nhất, được dân chúng ca ngợi nhất.

Công chúng và truyền thông Mỹ (có khi thường cũng bao gồm cả chính phủ) nhất trí cho rằng tổ chức tôn giáo cần phải phục vụ khu vực địa bàn sở tại, và cho rằng nó là bộ phận có hiệu quả nhất đối phó với các vấn đề xã hội. Một khi cái mong mỏi này được công khai biểu hiện ra, nó sẽ không chỉ trở thành quy phạm đạo đức bên trong của các thành viên tổ chức tôn giáo, mà còn trở thành quy phạm đạo đức của toàn bộ xã hội. Quy phạm đạo đức có giá trị hiệu lực cao là nội dung quan trọng của vốn xã hội, có thể khiến cho người ta có những phản ứng trước sức uy hiếp mà cả xã hội phải đối diện. Trong cuộc chiến chống khủng bố sau sự kiện 11/9 ở nước Mỹ, tác dụng của tổ chức tôn giáo lập tức được đề cao. Cũng như vậy, quy phạm về “tham dự vào xã hội” trong tổ chức tôn giáo có lợi cho việc sản sinh ra vốn xã hội. Việc gặp gỡ thường xuyên, trao đổi ý kiến, gây dựng lòng tin, cùng nhau làm lễ cầu nguyện, v.v... không chỉ hết sức quan trọng đối với sự phát triển của xã hội công dân, mà nó còn hình thành sự tác động tương hỗ tốt đẹp giữa mọi người với nhau.

Từ xưa tới nay, tôn giáo với tư cách là “tiếng nói” trong cuộc sống cộng đồng, nó đã phát huy tác dụng rất quan trọng trong các phương diện thúc tỉnh lương tri đại chúng Mỹ, hô hào chính sách xã hội tiến bộ, bồi dưỡng đạo đức và phẩm cách tốt đẹp cho con người, cung cấp quy tắc văn minh cơ bản cho mọi người lựa chọn đạo đức, nuôi dưỡng xã hội, thúc đẩy bình đẳng kinh tế, tranh thủ công lí xã hội. Đúng như nhà xã hội học Mỹ, Robert Bellah đã nói: “Trong bất cứ một xã hội có trật tự bình thường nào, hành vi của cá nhân và xã hội đều phải tuân theo sự lí giải đạo đức chung, tức cái gì là xấu, cái gì là sai. Mà những sự lí giải đạo đức chung này lại được xây dựng trên một hệ thống những sự lí giải tôn giáo chung. Chúng cùng nhau tạo dựng nên quy tắc văn hóa và tiêu chuẩn phê phán của xã hội”⁽²⁴⁾.

4. Kết luận

Quá trình quần thể hóa đời sống tổ chức tôn giáo được tập tục văn hóa và xã hội Mỹ chấp nhận, nguyên tắc chính giáo phân li, tính đồng chất của các giáo phái, lực lượng giáo huấn đạo đức tôn giáo và môi trường sinh thái của tổ chức tình nguyện địa phương (tổ chức tôn giáo tồn tại với tư cách là cơ cấu tình nguyện hàng đầu mang tính quần chúng địa phương), đã tạo sự bảo đảm cho tổ chức tôn giáo tham dự vào hoạt động xã hội. Tổ chức tôn giáo (giáo hội) trong đời sống thực tế lấy tín ngưỡng làm ngọn cờ lớn, lấy giáo hóa đạo đức làm vũ khí, lấy phục vụ làm trung tâm, lấy nhu cầu của người cứu trợ làm mục tiêu, lập ra vô số những trung

24. Robert Bellah. *The Broken Covenant. American Civil Religion in Time of Trial*. Seabury Press, 1975. p. IX.

tâm xã hội lớn nhỏ để giáo dục quần chúng, tổ chức quần chúng, liên hệ quần chúng, phục vụ quần chúng, và từ đó mà hình thành và nắm giữ nguồn vốn xã hội vô cùng phong phú. Đồng thời với việc này, tổ chức giáo hội còn sử dụng vốn xã hội to lớn mà mình có, thông qua việc triển khai các hoạt động tôn giáo và thế tục muôn hình nghìn dạng, phục vụ tín đồ và xã hội nhiều hơn nữa. chứng minh ý nghĩa và giá trị tồn tại của mình, mở rộng sức ảnh hưởng của bản thân mình. Trong cái mô thức chuyển vận tuần hoàn tốt đẹp này, cơ cấu mạng lưới tôn giáo có mặt ở khắp mọi nơi có thể làm cho tổ chức tôn giáo sử dụng cực kì hiệu quả vốn xã hội trong cái biển người rộng lớn ồn ào tưởng như không có trật tự ấy, đưa ra những phản ứng nhanh chóng trước các loại vấn đề xã hội, trong đó bao gồm cả vấn đề chính trị. Nguyên nhân khiến cho công năng xã hội của tổ chức tôn giáo Mỹ vượt xa các nước khác, ngoài nguyên tắc tự do tín ngưỡng tôn giáo và chính

giáo phân li được pháp luật bảo hộ ra, một nguyên nhân quan trọng khác chính là ở chỗ tồn tại một mạng lưới xã hội vận hành rất tốt và không ở đâu không có, được hình thành do mối liên hệ hàng ngang rộng lớn giữa giáo hội với tín đồ. Trong một quốc gia như nước Mỹ, vốn chủ yếu là dân di cư, quan hệ chủng tộc phức tạp, bối cảnh lịch sử và văn hóa rất khác biệt, đề cao chủ nghĩa cá nhân và tự do cạnh tranh, các loại quyền lợi đối lập nhau gay gắt, vấn đề xã hội đầy dẫy, tổ chức tôn giáo dựa vào nguồn vốn xã hội không ngừng tăng trưởng, đứng ở tuyến đầu trong việc thỏa mãn nhu cầu cơ bản của mọi người, hài hòa mâu thuẫn xã hội, phát huy tác dụng tự điều tiết giữ gìn an toàn xã hội, tạo cơ sở thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của xã hội nước Mỹ. /.

Người dịch: Trần Nghĩa Phương

Viện Nghiên cứu Tôn giáo